

BORDER PROTECTION ACTIVITIES IN NAM KY UNDER THE REIGN OF EMPEROR MINH MENCH (1820 - 1841)

Hoang Quoc Viet, Nguyen Hoang Minh*, Huynh Thi Bich Tram

HCMUE – Ho Chi Minh City University of Education

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	08/7/2025	Border protection activities in Nam Ky under the Emperor Minh Menh (1820-1841) played a key role in safeguarding territorial sovereignty and ensuring border security. This article analyzes the historical context of Dai Nam and Southeast Asia during the first half of the 19th century, highlighting its impact on the Nguyen dynasty's policies for defending the border area of Nam Ky. The study further clarifies the dynasty's contributions to protecting the border area of Nam Ky under Emperor Minh Menh. Through historical and logical methods alongside archival sources, the research results shed light on the following issues: (1) the influence of the historical context of Dai Nam and Southeast Asia in the early 19th century on the organization and implementation of territorial sovereignty and border security measures in the border area of Nam Ky; (2) protection activities in the border area of Nam Ky were carried out frequently and comprehensively across key areas, including defensive organization, consolidation of military forces, public security, prevention of territorial infringements, and the the creation of buffer zones through Emperor Minh Menh's strategic decisions. This article contributes to documenting the sovereignty protection by previous generations and to enhancing the positive values in current efforts to build and protect Vietnam's territorial sovereignty.
Revised:	24/9/2025	
Published:	24/9/2025	

KEYWORDS

Sovereignty protection
The border area of Nam Ky
Dai Nam
Emperor Minh Menh
Nguyen dynasty

HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ KHU VỰC BIÊN GIỚI NAM KỲ DƯỚI THỜI VUA MINH MỆNH (1820 - 1841)

Hoàng Quốc Việt, Nguyễn Hoàng Minh*, Huỳnh Thị Bích Trâm

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	08/7/2025	Những hoạt động bảo vệ khu vực biên giới Nam Kỳ của vua Minh Mệnh (1820 – 1841) đã góp phần quan trọng vào việc đảm bảo chủ quyền lãnh thổ và an ninh biên giới Nam Kỳ. Mục đích của bài báo này là phân tích bối cảnh lịch sử Đại Nam và khu vực Đông Nam Á nửa đầu thế kỷ XIX, từ đó chỉ ra sự tác động của bối cảnh ấy đối với chính sách bảo vệ khu vực biên giới Nam Kỳ, đồng thời làm rõ những đóng góp của triều Nguyễn trong hoạt động bảo vệ khu vực này dưới thời vua Minh Mệnh. Thông qua việc sử dụng phương pháp lịch sử và phương pháp logic kết hợp phân tích các nguồn tài liệu lưu trữ, kết quả nghiên cứu làm sáng tỏ những vấn đề sau: (1) sự tác động của bối cảnh lịch sử Đại Nam và khu vực Đông Nam Á nửa đầu thế kỷ XIX đến việc tổ chức bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và an ninh khu vực biên giới Nam Kỳ của Đại Nam; (2) các hoạt động bảo vệ khu vực biên giới Nam Kỳ diễn ra thường xuyên và toàn diện trên các lĩnh vực, bao gồm tổ chức phòng thủ, củng cố lực lượng quân đội, giữ gìn an ninh, chống sự xâm phạm lãnh thổ, thiết lập vùng đệm thông qua các quyết sách chiến lược của vua Minh Mệnh. Kết quả nghiên cứu của bài báo góp phần ghi nhận lại quá trình bảo vệ chủ quyền của các bậc tiền nhân, đồng thời nhấn mạnh giá trị lịch sử cần được kế thừa và phát huy trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ Việt Nam hiện nay.
Ngày hoàn thiện:	24/9/2025	
Ngày đăng:	24/9/2025	

TỪ KHÓA

Bảo vệ chủ quyền
Khu vực biên giới Nam Kỳ
Đại Nam
Vua Minh Mệnh
Triều Nguyễn

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.13193>

* Corresponding author. Email: nguyenhoangminhhcmue@gmail.com

1. Giới thiệu

Với vị trí chiến lược về kinh tế và quốc phòng của khu vực biên giới Nam Kỳ cùng với tình hình biến động trong khu vực Đông Nam Á vào nửa đầu thế kỷ XIX, ngay sau khi lên ngôi, vua Minh Mệnh đã tiến hành nhiều hoạt động bảo vệ biên giới Nam Kỳ. Vấn đề này đã thu hút sự quan tâm của nhiều học giả nghiên cứu trong nước với nhiều mức độ khác nhau. Chẳng hạn như các công trình của tác giả Phan Huy Lê [1], Trần Đức Cường [2] và Nguyễn Quang Ngọc [3] đã trình bày quá trình xác lập và khai phá vùng đất Nam Bộ, trong đó có đề cập hoạt động bảo vệ chủ quyền ở khu vực biên giới phía Nam của triều Nguyễn. Bên cạnh đó, tác giả Nguyễn Thị Ánh Nguyệt [4] và Nguyễn Thị Ánh Nguyệt với Nguyễn Như Ý [5] đã phân tích cách thức của triều Nguyễn trong việc bảo vệ vùng biên giới Nam Bộ bao gồm việc xây dựng hệ thống đồn lũy và tổ chức quân đội. Trong các mảng nội dung về hoạt động bảo vệ chủ quyền biên giới Nam Kỳ, tác giả Nguyễn Đình Cơ [6], tác giả Trần Thị Thanh Thanh với Dương Thế Hiền [7] và tác giả Dương Thế Hiền [8] tập trung làm rõ vị trí chiến lược của An Giang trong việc giữ gìn an ninh biên giới dưới thời vua Minh Mệnh; tác giả Phạm Đức Thuận [9] trình bày về chiến thắng Vàm Nao - Cổ Hũ trong tiến trình chống quân Xiêm xâm lược của triều Nguyễn (1833 - 1834); tác giả Vũ Thị Nga [10] phân tích chính sách của triều Nguyễn đối với võ quan và binh lính làm nhiệm vụ ở Trấn Tây thành qua tài liệu Châu bản (1835 - 1841).

Những công trình nghiên cứu nêu trên đã trình bày được các hoạt động bảo vệ biên giới Nam Kỳ của triều Nguyễn như: củng cố hệ thống đồn lũy, xây dựng và bố trí lực lượng quân đội, thiết lập và quản lý Trấn Tây thành, v.v. Tuy nhiên, do xuất phát từ góc độ tiếp cận khác nhau, các công trình ít tập trung làm rõ những nội dung sau đây: vị trí chiến lược của khu vực biên giới Nam Kỳ; công cuộc cải cách hành chính và chính sách đối với dân tộc Khmer của vua Minh Mệnh tác động đến tình hình Nam Kỳ; hoạt động giữ gìn an ninh trật tự biên giới; vai trò chiến thắng Vàm Nao - Cổ Hũ (1833 - 1834) trong hoạt động bảo vệ khu vực biên giới Nam Kỳ. Kế thừa kết quả nghiên cứu từ những công trình trước đó, thông qua các nguồn tài liệu lưu trữ, bài báo này tập trung phân tích những vấn đề sau: (1) bối cảnh lịch sử trong nửa đầu thế kỷ XIX; (2) những hoạt động bảo vệ chủ quyền khu vực biên giới Nam Kỳ dưới thời vua Minh Mệnh (1820 - 1841) như: tổ chức phòng thủ và củng cố lực lượng quân đội; giữ gìn trật tự, an ninh tại khu vực biên giới; đối phó với hành động xâm phạm lãnh thổ từ bên ngoài; từ việc “bảo hộ” Chân Lạp đến việc xác lập Trấn Tây thành - vùng đệm bảo vệ khu vực biên giới Nam Kỳ. Qua đó, bài báo góp phần ghi nhận những đóng góp của triều Nguyễn trong quá trình bảo vệ chủ quyền khu vực biên giới Nam Kỳ dưới thời vua Minh Mệnh, đồng thời cung cấp những bài học lịch sử có giá trị tham khảo cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ Việt Nam hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thành bài báo, nhóm tác giả đã khai thác các nguồn tư liệu gốc cùng với các tư liệu thứ cấp là các công trình, bài báo nghiên cứu của các tác giả trong nước có liên quan đến chủ đề. Trên cơ sở các nguồn tư liệu này, nhóm tác giả sử dụng hai phương pháp nghiên cứu chính là phương pháp lịch sử và phương pháp logic. Phương pháp lịch sử được sử dụng để khái quát bối cảnh của Đại Nam và khu vực Đông Nam Á trong nửa đầu thế kỷ XIX, đồng thời trình bày các hoạt động bảo vệ khu vực biên giới Nam Kỳ dưới thời vua Minh Mệnh (1820 - 1841) theo trình tự thời gian. Phương pháp logic được vận dụng để phân tích và đánh giá những hoạt động bảo vệ chủ quyền tại khu vực biên giới Nam Kỳ dưới thời vua Minh Mệnh (1820 - 1841).

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Bối cảnh lịch sử trong nửa đầu thế kỷ XIX

Trong những năm 1831 - 1832, để nhất thể hóa các đơn vị hành chính trong cả nước, vua Minh Mệnh lần lượt xóa bỏ Bắc thành và Gia Định thành, đổi đặt các trấn trên cả nước thành 30 tỉnh. Riêng khu vực Gia Định thành, được chia thành 6 tỉnh gồm Phiên An (năm 1833 đổi tên

thành Gia Định), Biên Hòa, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang và Hà Tiên. Đến năm 1834, vua Minh Mệnh đặt tên gọi chung cho 6 tỉnh này là Nam Kỳ¹ [11, tr.202]. Trong đó, khu vực biên giới Nam Kỳ của Đại Nam là vùng tiếp giáp với nước láng giềng Chân Lạp, trải dài qua các tỉnh Hà Tiên, An Giang, Định Tường, Gia Định, Biên Hòa (5 trên 6 tỉnh ở vùng đất Nam Kỳ), nằm trên tuyến đường thủy từ vùng hạ lưu sông Mekong ra Biển Đông. Về kinh tế, do vị trí địa lý giáp liền nhau, có hệ thống giao thông thủy bộ thuận lợi, điều kiện kinh tế hàng hóa phát triển mạnh v.v., hoạt động buôn bán với Chân Lạp ở khu vực biên giới Nam Kỳ có điều kiện phát triển. Về quân sự, khi có chiến sự xảy ra ở khu vực biên giới, việc điều động và vận chuyển lương thực, vũ khí qua tuyến đường thủy được tiếp ứng một cách nhanh chóng. Do vậy, việc kiểm soát hệ thống đường thủy xuyên biên giới này có thể mở rộng ảnh hưởng vào vùng đất Nam Kỳ. Chính tiềm năng về kinh tế, quốc phòng - an ninh này khiến khu vực biên giới Nam Kỳ trở thành tâm điểm của các hoạt động can thiệp về chính trị, quân sự mà các thế lực bên ngoài tiến hành đối với vùng đất Nam Kỳ của Đại Nam.

Trong thời gian này, biến động tình hình khu vực tác động lớn đến vùng đất Nam Kỳ của Đại Nam. Đặc biệt là sự lớn mạnh của vương quốc Xiêm La với các hoạt động mở rộng ảnh hưởng trong khu vực. Tuy nhiên, Xiêm La do bị Miến Điện cản trở ở phía Tây nên hướng bành trướng chủ yếu là các quốc gia ở phía Đông, trong đó có Chân Lạp. Khu vực biên giới Nam Kỳ lại là nơi tiếp giáp với Chân Lạp ở phía Tây nên những biến động chính trị tại quốc gia này tác động đến chính sách an ninh – quốc phòng của triều Nguyễn. Vì vậy, việc mở rộng về phía Đông của Xiêm La khiến Chân Lạp trở thành tâm điểm cạnh tranh ảnh hưởng giữa chính quyền phong kiến Xiêm và triều Nguyễn. Trong giai đoạn từ năm 1820 - 1832, Xiêm La một mặt duy trì quan hệ hòa hiếu nhưng vẫn tìm cách quấy nhiễu khu vực biên giới, kéo Chân Lạp ra khỏi ảnh hưởng của Đại Nam, thậm chí chú ý đến tiềm năng phát triển của vùng đất Nam Kỳ. Năm 1833, nhân cơ hội Lê Văn Khôi khởi binh và cầu viện, vua Rama III “chia quân thủy bộ vào cướp, chiếm cứ Chân Lạp, Hà Tiên, Châu Đốc các nơi, cướp bóc của cải, đồ vật, để hại đến sinh linh” [12, tr.28]. Cuộc kháng chiến chống quân Xiêm (1833 – 1834) kết thúc với chiến thắng của Đại Nam. Để đối phó với mối đe dọa từ Xiêm La, triều đình Huế chuyển sang áp dụng chính sách cứng rắn hơn đối với việc “bảo hộ” Chân Lạp, đồng thời chính thức sáp nhập Chân Lạp vào Đại Nam với tên gọi là Trấn Tây thành. Những bất ổn từ việc “bảo hộ” Trấn Tây thành khiến khu vực biên giới Nam Kỳ luôn trong tình trạng căng thẳng, tiềm ẩn xung đột quân sự giữa Xiêm La và Đại Nam.

Ở trong nước, để tăng cường quyền lực cho bộ máy nhà nước quân chủ trung ương tập quyền chặt chẽ, quy củ, vua Minh Mệnh đã cho tiến hành công cuộc cải tổ bộ máy hành chính từ trung ương đến địa phương dẫn đến những phản ứng của các thế lực địa phương ở Bắc thành và Gia Định thành. Trong đó, ở Gia Định thành, Lê Văn Duyệt có hai lần giữ chức vụ Tổng trấn trong giai đoạn 1812 - 1815 và 1820 - 1832. Với những chính sách phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo đời sống nhân dân, đảm bảo an ninh trật tự, ông được nhân dân yêu quý và kính trọng. Không chỉ vậy, trong thời gian quản lý ở đây, Lê Văn Duyệt đã ra sức xây dựng một lực lượng võ trang trung thành với mình. Ông còn gây ảnh hưởng và xây dựng uy tín trong quần chúng rộng rãi ở Gia Định, trước hết là giáo dân, các dân tộc thiểu số, người Hoa và một bộ phận quan lại địa chủ, thương nhân ít nhiều bất mãn với những chính sách của triều đình Huế. Bên cạnh đó, ông cho xây dựng kiên cố thành Gia Định, dự trữ quân nhu, vũ khí khá dồi dào [13, tr.39]. Những điều này cho thấy sự bất đồng giữa xu hướng cải cách tập trung quyền lực vào tay hoàng đế của chính quyền trung ương và xu hướng “địa phương phân quyền” trong xã hội Đại Nam lúc bấy giờ. Việc loại bỏ xu hướng “phân quyền” ở hai vùng phía Bắc và phía Nam của đất nước là điều cần thiết và được vua Minh Mệnh thực hiện trong thời gian trị vì của mình, đầu tiên là loại bỏ Bắc thành năm 1831, sau đó tiến tới loại bỏ Gia Định thành vào năm 1832. Điều này gây nên những mâu thuẫn ban đầu giữa công cuộc cải cách của vua Minh Mệnh với quyền lực của các thế lực địa

¹Về tên gọi Nam Kỳ, Quốc sử quán triều Nguyễn có ghi chép “Năm Minh Mạng thứ 15 (1834) [...] Đặt tên gọi cho Nam Bắc trực, Tả Hữu kỳ và Nam Bắc kỳ (Quảng Nam, Quảng Ngãi là Nam Trực; Quảng Trị, Quảng Bình là Bắc trực; Bình Định đến Bình Thuận là Tả kỳ; Hà Tĩnh đến Thanh Hoa là Hữu kỳ; Biên Hòa đến Hà Tiên là Nam Kỳ; Ninh Bình đến Lạng Sơn là Bắc Kỳ” [11, tr. 202].

phương, trong đó có Gia Định thành. Vì vậy, sau khi Lê Văn Duyệt mất, triều Nguyễn truy xét Lê Văn Duyệt và xử tội các quan lại dưới trướng của ông, trong đó có Lê Văn Khôi (con nuôi Lê Văn Duyệt). Do vậy, phần vì bất mãn, phần vì sợ tội, Lê Văn Khôi đã phát động cuộc binh biến tại Gia Định thành và lan rộng ra 6 tỉnh Nam Kỳ. Ngoài ra, tình hình Nam Kỳ trong nửa đầu thế kỷ XIX có nhiều biến động do những mâu thuẫn xã hội giữa các dân tộc với chính sách quản lý của triều Nguyễn dưới thời trị vì của vua Minh Mệnh, đặc biệt là người Khmer ở khu vực biên giới Nam Kỳ. Dù triều đình ban hành một số chính sách ưu đãi, nhưng việc phát triển các đồn điền và tình trạng địa chủ người Kinh kiêm tính ruộng đất đã ảnh hưởng đến diện đất canh tác của người Khmer. Vua Minh Mệnh còn cử các quan lại người Kinh đến quản lý ở một số địa phương người Khmer cư trú, rồi sáp nhập các huyện của người Khmer với các huyện của người Kinh v.v. đã làm cho cơ cấu ruộng đất của người Khmer bị thu hẹp. Các chính sách của quan lại người Kinh như thay đổi phong tục tập quán, chia rẽ các thành phần dân tộc giữa người Kinh và người Khmer. Những điều này đã gây nên phản ứng mạnh mẽ trong cộng đồng người Khmer vào nửa đầu thế kỷ XIX, là nguồn cơn cho các cuộc khởi nghĩa nông dân của người Khmer bùng phát nhằm giải quyết vấn đề ruộng đất và giành lại quyền sở hữu ruộng đất của họ [14, tr.391-392]. Lợi dụng tình hình Nam Kỳ có nhiều bất ổn, quân Xiêm đóng ở biên giới Chân Lạp, nơi giáp với Đại Nam thường xuyên kích động, hỗ trợ cho các cuộc nổi dậy này nhằm gây bất ổn, đe dọa và trực tiếp xâm phạm lãnh thổ Nam Kỳ của Đại Nam.

Như vậy, trong nửa đầu thế kỷ XIX, khu vực biên giới Nam Kỳ là nơi có tiềm năng về kinh tế, quốc phòng - an ninh nhưng tồn tại nhiều bất ổn về chính trị - quân sự. Về đối nội, nổi bật là mâu thuẫn giữa chính quyền trung ương với các thế lực địa phương trong quá trình quản lý vùng đất Nam Kỳ, cũng như những xung đột giữa bộ phận người Khmer với quan lại người Kinh. Về đối ngoại, khu vực này chịu tác động từ sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa các quốc gia Đông Nam Á lục địa, đặc biệt là giữa Đại Nam và Xiêm La. Chính sự đan xen giữa những mâu thuẫn nội tại và thách thức bên ngoài đã khiến khu vực biên giới Nam Kỳ thường xuyên rơi vào trạng thái bất ổn, dễ bùng phát những cuộc xung đột về quân sự. Điều đó đặt ra thách thức đến việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ Nam Kỳ của Đại Nam dưới thời vua Minh Mệnh.

3.2. Các hoạt động bảo vệ khu vực biên giới Nam Kỳ dưới thời vua Minh Mệnh (1820 – 1841)

3.2.1. Tổ chức phòng thủ và củng cố lực lượng quân đội

Trước những biến động trong nước và khu vực, vua Minh Mệnh đã chủ trương thiết lập một hệ thống phòng thủ quy mô và vững chắc trên toàn quốc, đặc biệt tại khu vực biên giới Nam Kỳ. Hệ thống này bao gồm các thành lũy, đồn bảo, thủ, tân và pháo đài, được tổ chức chặt chẽ từ khu vực trung tâm đến các vị trí chiến lược ở biên giới. Các công trình phòng thủ tại Gia Định (thành Gia Định, bảo Quang Hóa, bảo Tây Hóa, bảo Lộc Giang), Định Tường (thành Định Tường, bảo Hùng Ngự, bảo Thông Bình, bảo Tuyên Uy, bảo Cứu An, bảo Trấn Nguyên), An Giang (thành An Giang, bảo Vĩnh Tế, bảo An Lạc) và Hà Tiên (Giang Thành, pháo đài Kim Dữ, bảo Lư Khê, bảo Tiên Thái, bảo đài Phù Anh) đã tạo nên một hệ thống phòng thủ vững chắc cho triều Nguyễn ở khu vực Nam Kỳ. Cùng với đó, triều Nguyễn cũng chú ý đến công tác bố trí đặt vũ khí quân sự ở Nam Kỳ. Năm 1835, vua Minh Mệnh đã cho trang bị tổng cộng 100 cỗ pháo các loại tại các công trình phòng thủ ở khu vực Nam Kỳ [15, tr.84-85]. Việc xây dựng và củng cố các thành lũy, đồn bảo, cùng sự bố trí vũ khí ở nơi biên ải, đã tạo nên một mạng lưới phòng thủ vững chắc, góp phần quan trọng trong việc giữ vững chủ quyền và đảm bảo an ninh biên giới Nam Kỳ.

Dưới thời vua Minh Mệnh, với mục đích phát triển kinh tế và quốc phòng, triều Nguyễn còn cho đào đắp các con kênh tại khu vực biên giới Nam Kỳ. Những công trình này không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn góp phần quan trọng vào việc củng cố phòng tuyến, tăng cường kiểm soát và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ Đại Nam. Trong số đó, kênh Vĩnh Tế là công trình có quy mô lớn nhất và ý nghĩa chiến lược đối với khu vực biên giới Nam Kỳ. Được xây dựng trong 5 năm (1819-1824), kênh Vĩnh Tế đã huy động hơn 50 vạn binh dân cả người Kinh và người Chân Lạp tham gia [2, tr.255]. Việc xây dựng kênh Vĩnh Tế mang lại những lợi ích to lớn cho sản xuất

nông nghiệp và đời sống của người dân Đại Nam và Chân Lạp dọc khu vực biên giới Nam Kỳ từ An Giang đến Hà Tiên. Bên cạnh đó, kênh Vĩnh Tế với chiều dài khoảng 90 km, nối liền từ Châu Đốc đến Hà Tiên, đóng vai trò như một phòng tuyến quân sự then chốt trong việc đảm bảo an ninh quốc phòng khu vực biên giới Nam Kỳ [16, tr.151]. Hơn nữa, con kênh này còn là cơ sở quan trọng để phân định chủ quyền lãnh thổ giữa Đại Nam và Chân Lạp, đồng thời đóng vai trò như một tiền đồn giúp Đại Nam vươn ra không chế và duy trì sức ảnh hưởng tại Chân Lạp. Dọc theo kênh Vĩnh Tế, triều Nguyễn đã thiết lập một hệ thống phòng thủ gồm các đồn bảo như Vĩnh Tế, Vĩnh Gia, Vĩnh Điều, Vĩnh Nguyên v.v. hỗ trợ đắc lực cho hệ thống phòng thủ ở Hà Tiên - Phú Quốc. Do đó, có thể thấy rằng, kênh Vĩnh Tế giữ vai trò là tuyến giao thông quan trọng trong chính sách quốc phòng trên khu vực biên giới Nam Kỳ của triều Nguyễn.

Do khu vực biên giới Nam Kỳ có nhiều nhánh sông chảy từ Chân Lạp vào Đại Nam nên triều Nguyễn chú trọng xây dựng các tuyến phòng thủ trọng yếu trên mặt sông. Nổi bật nhất là tuyến phòng thủ sông Tiền – một trong những tuyến sông gắn liền với hệ thống giao thông đường thủy huyết mạch nối liền khu vực biên giới với các vùng khác ở Nam Kỳ. Trên tuyến phòng thủ này, vua Minh Mệnh cho củng cố 3 cơ sở phòng thủ là bảo Tân Châu, An Lạc và Hùng Ngự (Tam đạo). Các bảo này giữ vai trò chính yếu trong tuyến phòng thủ biên giới sông Tiền dưới triều Nguyễn [16, tr.241].

Cùng với việc thiết lập hệ thống phòng thủ, triều Nguyễn đã chủ động củng cố và tổ chức lực lượng quân đội tại vùng biên giới Nam Kỳ. Triều Nguyễn rất coi trọng việc tuyển chọn binh lính từ Nam Kỳ, đa phần binh lính được tuyển mộ từ dân đinh của các địa phương lân cận [16, tr.209]. Dưới thời vua Gia Long, chế độ tuyển binh ở Gia Định thành được thực hiện theo nguyên tắc 8 đình lấy 1 suất lính. Tuy nhiên, đến thời vua Minh Mệnh, tình hình biên giới Nam Kỳ có sự biến động, chế độ tuyển binh đã thay đổi thành 5 đình lấy 1 suất lính [17, tr.378]. Bên cạnh việc sử dụng lực lượng Cơ binh là lực lượng chủ chốt tại chỗ, vua Minh Mệnh còn chú ý đến việc sử dụng các lực lượng dân tộc thiểu số ở khu vực biên giới. Cụ thể, năm 1826, vua Minh Mệnh đã tuyển 518 người từ sóc Cao Man (Kiên Giang) lập thành 10 đội thuộc chi Kiên Hùng; năm 1833, hơn 500 người phủ Chân Chiêm lập thành cơ An Biên; năm 1835, tuyển 823 người Chăm lập hai cơ An Man 1 và 2, cùng 223 người Bò Đà thành lập cơ An Man thứ 3 [18, tr.149]. Lực lượng này đã quen thuộc với địa hình, khí hậu ở địa phương giúp triều Nguyễn tăng cường khả năng phản ứng quân sự nhanh chóng trước những sự biến xảy ra trong khu vực biên giới Nam Kỳ. Về vũ khí, lực lượng quân đội tại Nam Kỳ được triều đình trang bị phần lớn là: gươm, giáo, mác, cung tên, súng phun lửa, máy bắn đá, v.v. Bên cạnh đó, triều Nguyễn cũng đã sắm sửa một số vũ khí hiện đại phương Tây như: xung tiêu, điều thương, thuốc nổ, đạn chì, v.v. Những loại vũ khí này thường được trang bị tại các đồn, bảo biên giới [19, tr.136].

Như vậy, nhờ có hệ thống phòng thủ được tổ chức chặt chẽ, chế độ tuyển binh linh hoạt, chính sách ưu tiên lực lượng địa phương cùng sự quan tâm đến việc trang bị vũ khí, triều Nguyễn đã đảm bảo khả năng đối phó hiệu quả với các mối đe dọa bên ngoài. Những chính sách này không chỉ củng cố an ninh quốc phòng mà còn thể hiện tư duy chiến lược của vua Minh Mệnh trong quản lý và bảo vệ khu vực biên giới Nam Kỳ.

3.2.2. Giữ gìn trật tự, an ninh tại khu vực biên giới

Tại biên giới Đại Nam và Chân Lạp, hoạt động giao thương buôn bán phần lớn tập trung ở sông Tiền và sông Hậu, đây là các nhánh của sông Mekong chảy qua Chân Lạp và đi sâu vào nội địa Nam Kỳ. Sự giao thương đường thủy tại nơi đây đặt ra thách thức cho việc kiểm soát biên giới. Năm 1821, trước hiện tượng người Việt giả mạo sắc thư vượt qua biên giới làm điều quấy nhiễu, vua Minh Mệnh đã lệnh cho quan trấn thành Gia Định, quy định nếu ai lĩnh mệnh đem sắc thư sang Chân Lạp phải có dấu “quốc gia tiền bảo” mới được xem là hợp lệ hoặc đi vì công việc thì giấy tờ phải có ấn chương của trấn thành Gia Định. Người nào qua biên giới mà không tuân thủ các quy định trên thì quân lính phải giao cho quan trấn xét xử [20, tr.259].

Ngoài kiểm soát việc đi lại, vua Minh Mệnh thực hiện các hoạt động trấn áp nhằm dẹp yên các cuộc nổi dậy ảnh hưởng đến khu vực biên giới, mở đầu là việc trấn áp cuộc khởi binh của Lê

Văn Khôi. Tháng 6/1833, Lê Văn Khôi cùng với đồng đảng của mình tổ chức lực lượng tấn công bất ngờ, giết chết Bộ chánh Bạch Xuân Nguyên và Tổng đốc An - Biên Nguyễn Văn Quế, kiểm soát thành Phiên An. Lê Văn Khôi chính thức phát động cuộc khởi binh chống triều Nguyễn. Cuộc nổi dậy từ Phiên An nhanh chóng lan rộng và làm chủ ra 6 tỉnh Nam Kỳ. Để trấn áp cuộc khởi binh của Lê Văn Khôi, vua Minh Mệnh đã cử các tướng dày dạn kinh nghiệm chiến trường như: Tổng Phúc Lương, Phan Văn Thúy, Trần Văn Năng, Nguyễn Xuân và Phạm Hữu Tâm chỉ huy ba đạo quân xuất phát từ Huế cùng với hơn 60 thuyền chiến trang bị súng đại xa luân, súng quá sơn, thuốc súng, đạn dược v.v.; đồng thời điều động 800 quân từ các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận đến Phiên An để đánh dẹp [19, tr.251-252]. Trước sức ép từ cuộc tấn công và vây hãm của triều đình, cuộc khởi binh của Lê Văn Khôi dần rơi vào thế bị động. Để tìm kiếm sự hỗ trợ, Lê Văn Khôi liên kết với các giáo sĩ phương Tây và cử người sang cầu viện vua Xiêm là Rama III. Cuối năm 1833, vua Rama III lệnh cho các đạo quân tiến vào đánh chiếm Nam Kỳ và giải vây cho Lê Văn Khôi. Từ đây, triều Nguyễn không chỉ dẹp loạn cuộc khởi binh của Lê Văn Khôi mà còn đảm đương nhiệm vụ tổ chức cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Xiêm, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ Nam Kỳ. Với chiến thắng Vàm Nao – Cỏ Hồ (1834), triều Nguyễn đã đập tan nỗ lực giải vây của vua Xiêm cho cuộc khởi binh của Lê Văn Khôi. Khi mất đi sự yểm trợ từ quân Xiêm, Lê Văn Khôi buộc phải rút quân cố thủ trong thành Phiên An, sau đó lâm bệnh và qua đời trong năm 1834. Tháng 7/1835, vua Minh Mệnh sai Tham tán Phạm Hữu Tâm chỉ huy 8 đạo quân tấn công hạ thành Phiên An, hơn 500 quân nổi dậy bị tiêu diệt, bắt sống tổng cộng 1.278 người và nghiêm khắc xử tội quân nổi dậy [2, tr.318]. Kết quả là cuộc khởi binh của Lê Văn Khôi bị dập tắt, triều Nguyễn lập lại trật tự an ninh tại khu vực biên giới Nam Kỳ.

Bên cạnh cuộc khởi binh của Lê Văn Khôi, triều Nguyễn còn phải dẹp yên các cuộc nổi dậy của người Khmer, chủ yếu diễn ra ở tỉnh An Giang. Vào năm 1838, nơi tiếp giáp với An Giang đã có vụ nổi dậy của Thổ mục Đô Y, Thổ mục Châu kết hợp với viên An phủ phủ Khai Bình tên là Di, có sự tham gia của binh lính địa phương. Nhận được tin báo, vua Minh Mệnh đã quyết định cử Trương Minh Giảng, viên tướng có nhiều kinh nghiệm trong việc bình định các cuộc nổi dậy ở phương Nam, đem quân đến trấn áp mới tạm dẹp yên được cuộc nổi dậy này. Năm 1839, Hàn Biện - một viên quan cơ người Khmer tại An Giang, cùng đồng đảng nổi dậy chống triều đình rồi bỏ trốn. Cuộc nổi dậy lôi kéo một số lượng đáng kể binh lính Khmer trong quân đội triều Nguyễn tham gia. Tuy nhiên, sau đó, một số người đã quay về quy phục và được vua Minh Mệnh khoan hồng, tha tội. Năm 1840, người Khmer tại Tịnh Biên (An Giang) nổi dậy, buộc viên tri phủ phải tháo chạy. Sau đó, lực lượng nổi dậy tiến đánh đồn Châu Nham (đồn Đá Dựng) ở Hà Tiên, gây tổn thất nặng nề cho quân triều đình [15, tr.134]. Cùng năm này, lại nổ ra các cuộc nổi dậy của người Khmer ở Hà Âm và Hà Dương ở tỉnh An Giang, nơi giáp với Chân Lạp. Nhân cơ hội đó, tướng Xiêm La là Phi Nhã Chất Tri cầm đầu đóng ở sát biên giới Chân Lạp và Đại Nam đã ủng hộ cuộc nổi dậy này, mượn cơ đó gây sự với các đồn bảo của quân Nguyễn đóng ở bờ kênh Vĩnh Tế. Quan binh triều Nguyễn đã chia lực lượng đi đánh dẹp các cuộc nổi dậy này, đập tan âm mưu muốn kích động gây xung đột biên giới của quân Xiêm [21, tr.549]. Nhờ đó, tình hình biên giới tại An Giang và Hà Tiên mới được yên ổn.

3.2.3. Đối phó với hành động xâm phạm lãnh thổ từ bên ngoài

Năm 1833, nhân cơ hội Lê Văn Khôi khởi binh chống lại triều đình Huế và đề nghị Xiêm giúp đỡ với điều kiện sẽ chia vùng đất Nam Kỳ và thần phục Xiêm, vua Rama III đã cho quân tấn công Chân Lạp và Đại Nam. Có thể thấy, hành động này của chính quyền Xiêm chính là việc tiếp tục thực hiện mục tiêu bành trướng về phía Đông, phá vỡ mối quan hệ hòa hiếu, xâm phạm biên giới của Đại Nam [11, tr.11]. Cuộc chiến tranh xâm lược Đại Nam của Xiêm La (1833 - 1834) đặt dưới sự chỉ huy của tướng Phi Nhã Chất Tri (Chaophraya Bođin) và tướng Phi Nhã Phạt Lăng (Phra Klang) với 5 đạo quân, cụ thể là đạo quân thứ nhất tiến vào Chân Lạp, chiếm Nam Vang rồi men theo sông MeKong xuống Châu Đốc (An Giang), tạo bàn đạp tấn công Định Tường,

Vĩnh Long và phối hợp với lực lượng của Lê Văn Khôi đánh chiếm Gia Định. Đây là cánh quân chủ lực, gồm 4 vạn bộ binh, do Phi Nhã Chất Tri trực tiếp chỉ huy; đạo quân thứ hai, cũng là một đạo quân chủ lực, tiến công bằng đường thủy với hơn 100 chiến thuyền và 1 vạn thủy binh, do Phi Nhã Nhật Lăng trực tiếp chỉ huy. Đội quân này di chuyển qua vịnh Thái Lan, tiến vào Hà Tiên nhằm phối hợp và tạo thế hậu thuẫn cho đạo quân thứ nhất; ngoài ra còn ba đạo quân qua đất Vạn Tượng, một đạo đánh vào Cam Lộ (Quảng Trị), một đạo đánh vào Cam Cát và Cam Môn (cũng thuộc Quảng Trị) và đạo còn lại đánh vào Trấn Ninh và Nghệ An [3, tr.383].

Theo dõi tiến trình bố trí các cánh quân Xiêm tiến vào biên giới Đại Nam, vua Minh Mệnh có chỉ đạo chung cho cuộc kháng chiến chống Xiêm lần này: “cấp tốc truyền chỉ cho các tướng quân, tham tán ở quân thứ Nam Kỳ, chia quân chặn đánh. Lại phải thêm quân Kinh và điều vài vạn binh đồng ở các tỉnh, định nhật kỳ, do đường thủy đường bộ gấp đến vây đánh. Lại sai bọn Vệ úy Lê Văn Thụy đem một toán quân, do đường Cam Lộ đi đánh giặc. Lại sai Nghệ An phái quân đi tiêu, để tỏ oai trời chinh phạt” [11, tr.28]. Theo đó, riêng tại Nam Kỳ, vua Minh Mệnh quyết định tập trung lực lượng bảo vệ khu vực biên giới Nam Kỳ và giao cho Bình Khẩu tướng quân Trần Văn Năng làm tổng chỉ huy mặt trận quân sự lần này. Ngoài ra, vua Minh Mệnh điều động 1 đơn vị kinh binh (cấm quân) cùng 500 hương đồng dùng thuyền đi vào Nam Kỳ. Đồng thời, cấp cho An Giang 10 chiếc thuyền, các tỉnh Vĩnh Long, Định Tường, Hà Tiên mỗi tỉnh 5 - 7 chiếc; cấp cho Vĩnh Long 3000 cân thuốc súng, An Giang và Định Tường mỗi tỉnh 2.000 cân, Hà Tiên 1.000 cân; cấp đại bác cho mỗi tỉnh từ 5 đến 10 khẩu, số đạn mỗi khẩu là 100 viên. Việc điều động này được triều Nguyễn tiến hành bí mật để nhân dân không hoang mang và thủ lĩnh các cuộc khởi nghĩa nông dân không lợi dụng tình hình để gây hấn. Ngoài ra, vua Minh Mệnh còn cho các tỉnh An Giang, Hà Tiên, Định Tường bổ sung quân từ 200 đến 500 hương đồng để bổ sung lực lượng [22, tr.447].

Sau khi chiếm được Nam Vang, tiến vào khu vực biên giới Nam Kỳ, thay vì tiến quân thẳng ra Gia Định như kế hoạch dự định thì Phi Nhã Chất Tri lại hội quân với đạo quân của Phi Nhã Phạt Lăng tại Châu Đốc (trước đó đạo quân này đã chiếm được Hà Tiên (04/01/1834) và An Giang (09/01/1834)). Quân Xiêm thay đổi hướng tiến quân là xuôi theo sông Hậu để vào sông Vàm Nao rồi ra sông Tiền để mở rộng phạm vi đánh chiếm ở Định Tường, Vĩnh Long rồi ra Gia Định. Quân triều Nguyễn do Trương Minh Giảng và Nguyễn Xuân đến hạ nguồn tỉnh An Giang nhanh chóng tiếp nhận lực lượng từ Hà Tiên, Châu Đốc rút về hội quân và lực lượng bổ sung từ Vĩnh Long tiến lên. Chiều tối ngày 13/01/1834, quân triều Nguyễn đã đến ngã ba nơi hợp lưu của sông Tiền và sông Vàm Nao. Khi này quân Xiêm cũng đã kéo đến và cho thiết lập trận địa chặn ngang ở giữa sông. Sáng sớm ngày 14/01/1834, Trương Minh Giảng và Nguyễn Xuân tổ chức cuộc tiến công quy mô lớn vào trận địa của quân Xiêm đã được bố trí sẵn ở sông Vàm Nao. Sau các trận giao tranh, quân Xiêm tổn thất nặng nề và rút lui để bảo toàn lực lượng. Trận đánh không chỉ tiêu diệt được nhiều chiến thuyền và quân tham chiến mà còn trì hoãn kế hoạch tiến nhanh đến Gia Định của quân Xiêm. Sau đó, quân triều Nguyễn chủ động rút về đóng tại thủ sở Chiến Sai xưa ở ngã ba sông, ngay trên bờ phía Tây sông Cổ Hũ [3, tr.384-385].

Ngày 25/01/1834, quân Xiêm với hơn 100 chiến thuyền từ Châu Đốc tiến xuống sông Cổ Hũ, mở cuộc tấn công nhằm tiêu diệt lực lượng thủy quân của triều Nguyễn, nhưng tất cả các mũi tiến công của quân Xiêm đều bị đánh lui. Đêm hôm đó và cả ngày hôm sau, quân Xiêm lại liên tiếp mở nhiều cuộc tấn công nhưng đều thất bại. Từ ngày 27 đến 29/01/1834, quân Xiêm không ngừng tổ chức các trận tập kích vào các đồn của quân Nguyễn đóng hai bên bờ sông Cổ Hũ. Đến rạng sáng ngày 30/01/1834, quân Xiêm huy động 300 chiến thuyền với hơn 10.000 quân, dốc toàn lực đánh trận quyết định phá vỡ thế trận của quân triều Nguyễn mở đường tiến thẳng về Gia Định để giải vây cho quân của Lê Văn Khôi, rồi hợp quân với Lê Văn Khôi đánh chiếm Gia Định và mở rộng phạm vi đánh chiếm toàn khu vực Nam Kỳ. Lúc này quân Nguyễn được tăng cường thêm lực lượng, dựa vào địa thế hiểm yếu của dòng sông đã kiên quyết chống trả các cuộc tấn công dữ dội của quân Xiêm. Kết quả quân Xiêm đã thất bại nặng nề và lui về cố thủ trong thành Châu Đốc. Nhận thấy được sự thất thế của quân Xiêm, tướng Trần Văn Năng dẫn thủy quân đánh quân Xiêm ở Tân Châu

và bao vây thành Châu Đốc. Trước sự tấn công mạnh mẽ của quân Nguyễn, quân Xiêm trong thành Châu Đốc đã bỏ thành tháo chạy. Thừa thắng quân Nguyễn đã tổ chức truy kích quân Xiêm sang tận Chân Lạp. Các cánh quân còn lại của quân Xiêm cũng nhanh chóng tan rã và tháo chạy về nước. Cuộc kháng chiến chống quân Xiêm năm 1834 kết thúc thắng lợi [23, tr.364].

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Xiêm năm 1834 của triều Nguyễn đã đập tan âm mưu xâm lược và thôn tính vùng đất Nam Kỳ của vương triều Xiêm, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ của Đại Nam; khẳng định vị thế của triều Nguyễn trong khu vực Đông Nam Á, duy trì quyền thần phục của vương triều Chân Lạp đối với Đại Nam, tạo điều kiện hỗ trợ hiệu quả cho Chân Lạp trong cuộc kháng chiến chống lại sự xâm lược và ảnh hưởng của phong kiến Xiêm; thể hiện tinh thần yêu nước, ý chí quật cường, tinh thần đoàn kết của nhân dân Nam Kỳ và nghệ thuật quân sự độc đáo của triều Nguyễn trong quá trình đánh bại quân Xiêm. Đặc biệt là nghệ thuật chỉ đạo kháng chiến chủ động tiến công, chủ động phòng ngự, tạo lập thế trận và tranh thủ thời cơ để tiêu diệt kẻ thù. Đồng thời, cuộc kháng chiến còn để lại những bài học kinh nghiệm trong công cuộc xây dựng và bảo vệ an ninh - quốc phòng của đất nước hiện nay.

3.2.4. Từ việc “bảo hộ” Chân Lạp đến việc xác lập Trấn Tây thành - vùng đệm bảo vệ khu vực biên giới Nam Kỳ

Chân Lạp đóng vai trò quan trọng, là vùng đệm để bảo vệ khu vực biên giới Nam Kỳ trước những hành động mở rộng ảnh hưởng về phía Đông của Xiêm La. Do vậy, từ năm 1821 đến năm 1834, vua Minh Mệnh tiếp tục thực hiện việc bảo hộ Chân Lạp thông qua việc sắp xếp quan lại người Việt vừa làm nhiệm vụ trấn giữ các địa phương ở Nam Kỳ vừa kiêm nhiệm việc bảo hộ Chân Lạp. Chẳng hạn như năm 1821, vua Minh Mệnh cho Nguyễn Văn Thụy giữ đồn Châu Đốc, coi việc biên phòng của trấn Hà Tiên rồi kiêm lĩnh bảo hộ Chân Lạp. Hay năm 1833, Trương Minh Giảng được vua cử làm Tổng đốc An Giang, Hà Tiên kiêm lĩnh bảo hộ Chân Lạp; năm 1835, Tuần phủ An Giang là Lê Đại Cương được phân cùng với Trương Minh Giảng kiêm lĩnh bảo hộ Chân Lạp. Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Xiêm (1833-1834), Trương Minh Giảng và Lê Đại Cương đề xuất vua Minh Mệnh một số biện pháp tăng cường bảo hộ Chân Lạp như thiết lập đồn trại tại đây, chọn thổ binh người Chăm đòng dôi Thuận Hóa và người Chà Và đến cư trú, chinh đốn quân dụng, khám xét các thuyền buôn, kinh lý biên phòng tỉnh Hà Tiên v.v. Đầu năm 1835, vua Chân Lạp là Ang Chan II mất, triều Nguyễn phong con gái của ông là Ang Mei làm quận chúa Ngọc Vân để cùng chính quyền bảo hộ quản việc nước. Tiến thêm một bước, cũng ngay trong năm này, vua Minh Mệnh quyết định tổ chức bộ máy quản lý trực tiếp Chân Lạp, Chân Lạp được đổi tên thành Trấn Tây thành và được chia làm 33 phủ, 2 huyện. Từ đây, Chân Lạp chính thức trở thành trấn thuộc lãnh thổ Đại Nam.

Để duy trì và tăng cường quản lý Trấn Tây thành, vua Minh Mệnh đã thực hiện một loạt các biện pháp như sau: thiết lập bộ máy quản lý với hệ thống quan lại người Việt xen kẽ với người Chân Lạp nhưng vị trí Tướng quân ở Trấn Tây thành luôn do Trương Minh Giảng nắm giữ; thực hiện chính sách ban nhiều bổng lộc, chức tước nhằm lôi kéo hoàng thân, quan lại Chân Lạp làm việc cho triều Nguyễn; duy trì hoàng tộc Chân Lạp để hợp thức hóa việc quản lý của triều Nguyễn tại đây; tổ chức quân đội thành hai lực lượng, một lực lượng đóng trực tiếp trên đất Chân Lạp, một lực lượng được phái đi để chống các cuộc nổi dậy, đồng thời duy trì quân lính người Việt và người Chân Lạp xen kẽ nhau [10, tr.2197]; lập đồn phòng thủ, chẳng hạn năm 1835, đổi đồn An Man của Nam Vang làm Trấn Tây và cho củng cố bằng việc đắp “lòng thành rộng 45 trượng; thân thành ngoài trồng tre và cây, trong đắp đất cao 9 thước 9 tấc, chân dày 1 trượng 8 thước, mặt dày 3 thước 6 tấc. Ngoài thành, 4 góc có hào rộng 3 trượng 1 thước 5 tấc; ở trước cửa, hào rộng 5 trượng 8 thước 5 tấc, đều sâu 1 trượng” [11, tr.561]; mở mang đường sá từ Chân Lạp nối liền với Gia Định để thông tin được thông suốt. Ngoài ra còn thực hiện các chính sách phát triển kinh tế nông nghiệp v.v. Như vậy, đến cuối thời vua Minh Mệnh, phần lớn các công việc ở Trấn Tây thành, triều Nguyễn đều đứng ra chủ trì và sắp xếp từ việc tổ chức quản lý đến các hoạt động quân sự và quốc phòng. Vua Minh Mệnh không chỉ muốn buộc chặt Chân Lạp vào triều

Nguyễn, tách hẳn Chân Lạp khỏi sự ảnh hưởng của Xiêm La mà còn xem Chân Lạp là vùng đệm bảo vệ khu vực biên giới Nam Kỳ của đất nước. Mặc dù vậy, điều này vẫn khiến cho tình hình Trấn Tây thành cuối thời vua Minh Mệnh không ổn định do giới quý tộc Chân Lạp bất bình, dẫn đến một loạt các sự kiện phức tạp trong mối quan hệ Xiêm - Đại Nam - Chân Lạp và chế độ bảo hộ của triều Nguyễn đối với Chân Lạp buộc phải kết thúc vào năm 1841.

4. Kết luận

Trong nửa đầu thế kỷ XIX, khu vực biên giới Nam Kỳ dưới thời vua Minh Mệnh luôn là một điểm nóng về chính trị và quân sự. Nơi đây không chỉ sở hữu tiềm năng phát triển về kinh tế hàng hóa, hệ thống giao thông thủy bộ thuận lợi mà còn đóng vai trò chiến lược trong quốc phòng - an ninh, dễ dàng trở thành mục tiêu can thiệp của các thế lực bên ngoài, đặc biệt là sự bành trướng của vương quốc Xiêm La. Những mâu thuẫn nội tại, từ việc cải cách hành chính tập trung quyền lực của triều đình gây bất mãn với các thế lực ở địa phương đến các xung đột xã hội với cộng đồng người Khmer, càng làm cho tình hình biên giới Nam Kỳ thêm phức tạp. Đối mặt với bối cảnh đầy thách thức đó, vua Minh Mệnh đã triển khai một loạt các hoạt động toàn diện để bảo vệ chủ quyền biên giới ở khu vực này. Triều Nguyễn đã xây dựng một hệ thống phòng thủ dày đặc với các thành lũy, đồn bảo, gia cố các bảo trên mặt sông và đặc biệt là việc đào kênh Vĩnh Tế - công trình mang ý nghĩa kép về kinh tế và quốc phòng. Cùng với đó, triều đình chú trọng củng cố lực lượng quân đội thông qua chế độ tuyển binh linh hoạt, ưu tiên lực lượng địa phương và trang bị vũ khí. Không chỉ thành công trong công cuộc giữ gìn trật tự an ninh biên giới bằng việc trấn áp các cuộc nổi dậy ở Nam Kỳ, triều Nguyễn còn lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Xiêm La (1833-1834) giành thắng lợi, đập tan âm mưu xâm phạm lãnh thổ. Bên cạnh đó, việc sáp nhập Chân Lạp thành Trấn Tây thành đã tạo vùng đệm chiến lược để bảo vệ biên giới Nam Kỳ trước sự mở rộng ảnh hưởng của Xiêm La. Bên cạnh những thành tựu đạt được, hoạt động bảo vệ chủ quyền biên giới Nam Kỳ dưới thời vua Minh Mệnh (1820 – 1841) có những hạn chế như hệ thống thành lũy, đồn bảo có cấu trúc tương đối đơn giản, chưa đạt đến mức độ kiên cố cần thiết để đảm bảo khả năng phòng thủ vững chắc trước sự tấn công của các thế lực bên ngoài; về trang bị vũ khí vẫn còn yếu kém, phần lớn lực lượng quân đội chủ yếu được trang bị các loại vũ khí truyền thống (thương, đao, đinh ba, mã tấu v.v.). Tuy còn tồn tại một số hạn chế nhất định, nhưng với những giải pháp đồng bộ và hành động quyết đoán, triều Nguyễn dưới thời vua Minh Mệnh không chỉ cho thấy khả năng bảo vệ lãnh thổ, giữ vững an ninh khu vực biên giới Nam Kỳ, mà còn khẳng định vị thế của Đại Nam trong khu vực Đông Nam Á đầy biến động.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] H. L. Phan, *The Nam Bo region: A Historical Process of Formation and Development*. Hanoi: The Truth National Political Publishing House, 2017.
- [2] D. C. Tran, *The Historical Formation and Development of Nam Bo region (from its origins to 1945)*. Hanoi: Social Sciences Publishing House, 2017.
- [3] Q. N. Nguyen, *The Process of Exploration and Sovereignty Establishment of Vietnam over the Nam Bo Region (17th – 19th Centuries)*. Hanoi: The Truth National Political Publishing House, 2023.
- [4] T. A. N. Nguyen, "The Nguyen Dynasty and the Defense of the Nam Bo Borderlands in the First Half of the 19th Century," *Thu Dau Mot University Journal of Science*, no. 23, pp. 19-26, 2015.
- [5] T. A. N. Nguyen and N. Y. Nguyen, "The security and defense policy of Minh Mang King towards the Southwest border region (1820-1840)," *VNUHCM Journal of Social Sciences and Humanities*, vol. 8, no. 3, pp. 2621-2631, 2024.
- [6] D. C. Nguyen, "The An Giang region in the border security strategy under emperor Minh Mang," *Ho Chi Minh City Journal of Social Sciences*, vol. 5, no. 297, pp. 67-77, 2023.
- [7] T. T. T. Tran and T. H. Duong, "The strategic role of An Giang in the Southwest border's defense formation of the Nguyen regime during the period of 1802-1867," *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, vol. 2, no. 80, pp. 69-79, 2016.

-
- [8] T. H. Duong, "That Son region (An Giang) and the defense posture of the Southwestern border of the Nguyen Dynasty in the period 1802-1867," *Scientific Journal of Saigon University*, no. 76, pp. 75-81, 2021.
- [9] D. T. Pham, "The Battle Victory on the Vam Nao – Co Hu River in the Vietnam Siam War (1833–1834)," *Journal of Historical Studies*, no. 574, pp. 32-40, 2024.
- [10] T. N. Vu, "Policies by Nguyen Dynasty towards military mandarins and soldiers stationed at Tran Tay Citadel based on its Royal records (1835-1841)," *VNUHCM Journal of Social Sciences and Humanities*, vol. 7, no. 4, pp. 2196-2204, 2023.
- [11] National History of Nguyen dynasty, Institute of History, *Dai Nam Thuc Luc*, vol. 4. Hanoi: Education Publishing House, 2007.
- [12] National History of Nguyen dynasty, Institute of History, *Dai Nam Thuc Luc*, vol. 3. Hanoi: Education Publishing House, 2007.
- [13] P. Q. Nguyen, *The Rebellion of Le Van Khoi in Gia Dinh (1833–1835)*. Ho Chi Minh City: Ho Chi Minh City Publishing House, 1991.
- [14] M. T. Nguyen, *Policies toward Ethnic Minorities under the Vietnamese Monarchical State (939-1884)*. Hanoi: Social Sciences Publishing House, 2017.
- [15] T. N. L. Ngo, "Southwestern Border Protection under the Nguyen Lords and the Nguyen Dynasty (1757–1858)," M. A. thesis, Dong Thap University, Dong Thap, 2019.
- [16] T. H. Duong, "The Nguyen Dynasty's Defense Policy on the border of Nam Bo (1802–1867)," M. A. Dissertation, Sai Gon University, Ho Chi Minh City, 2024.
- [17] The Cabinet of Nguyen Dynasty, Institute of History, *Kham Dinh Dai Nam Hoi Dien Su Le*, vol. 9. Hue: Thuan Hoa Publishing House, 1993.
- [18] National History of Nguyen dynasty, *Minh Menh chinh yeu*. Hue: Thuan Hoa Publishing House, 2010.
- [19] T. M. Tran, *A Coursebook on Historical and Cultural Issues of the Nguyen Dynasty*. Ho Chi Minh City: Vietnam National University – Ho Chi Minh City Publishing House, 2024.
- [20] D. C. Nguyen and T. C. Nguyen, *Our ancestors defended the borders*. Hanoi: People's Public Security Publishing House, 1994.
- [21] T. Y. Truong, *History of Vietnam, from 1802 to 1858*, vol. 5. Hanoi: Social Sciences Publishing House, 2017.
- [22] Vietnam Institute of Military History, *The History of Vietnamese Military Thought – Volume II: From 1428 to 1858*. Hanoi: The Truth National Political Publishing House, 2015.
- [23] Q. N. Nguyen, "The Resistance against Siam and the Victory at Vam Nao – Co Hu in Early 1834: A Remarkable Feat of National Defense by the Nguyen Dynasty," In *Proc. National Scientific Conference on the Victory at Vam Nao – Co Hu (1834): A 190-Year Retrospective*, 2024, pp. 360-365.